

Số: /STC-QLNS

Lai Châu, ngày tháng 7 năm 2023

V/v hướng dẫn xây dựng dự toán
ngân sách nhà nước năm 2024, kế
hoạch tài chính ngân sách nhà nước
03 năm 2024-2026

Kính gửi

- Các Sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, Đoàn thể cấp tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh Lai Châu;
- Chi cục Hải quan cửa khẩu Ma Lù Thàng;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 10/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026. Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2737/UBND-KTN ngày 20/7/2023, Sở Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026 theo các nội dung chủ yếu sau đây:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 VÀ 03 NĂM 2021-2023

I. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN năm 2023

1. Nguyên tắc đánh giá

- Thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật về thuế, phí và lệ phí và các văn bản chỉ đạo, điều hành NSNN của cấp có thẩm quyền; không đánh giá vào thu NSNN các khoản thu phí đã chuyển sang giá dịch vụ theo quy định của Luật Phí và lệ phí, các khoản được khấu trừ đối với cơ quan nhà nước hoặc khoản trích lại phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao thực hiện.

- Căn cứ kết quả thực hiện phát triển kinh tế - xã hội và thu NSNN 6 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện 6 tháng cuối năm, trong đó tập trung làm rõ những thuận lợi, khó khăn, nhất là ảnh hưởng của hiện tượng El Nino, nắng nóng, khô hạn kéo dài, tình hình dịch bệnh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh; các cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố thực hiện rà soát, đánh giá yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thực hiện thu NSNN năm 2023, kiến nghị giải pháp nhằm phấn đấu hoàn thành cao nhất dự toán thu NSNN được Hội đồng nhân dân các cấp quyết định.

2. Nội dung đánh giá

2.1. Đánh giá, phân tích nguyên nhân tác động tăng, giảm thu NSNN năm 2023, chú ý làm rõ:

- Các yếu tố tác động đến hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ và xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế trong từng lĩnh vực; sản lượng sản xuất và tiêu thụ, giá bán, lợi nhuận của các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chủ yếu trên địa bàn; tác động của biến động giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào, gạo, giá cả vật tư là đầu vào của sản xuất nông nghiệp và hàng hóa nông sản khác, biến động thị trường bất động sản; các dự án đã hết thời gian ưu đãi thuế và khả năng triển khai các dự án đầu tư mở rộng, đầu tư mới.

- Tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu; gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2023 theo Nghị định số 12/2023/NĐ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ; chính sách giảm thuế GTGT theo Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023.

2.2. Đánh giá công tác đôn đốc, thu hồi nợ đọng thuế trong 6 tháng đầu năm 2023; dự kiến kết quả thu hồi nợ đọng thuế trong các tháng cuối năm 2023 (so với chỉ tiêu, kế hoạch được giao - nếu có) và ước tổng số tiền thuế nợ đến ngày 31/12/2023. Kết quả thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán nhà nước, cơ quan thanh tra và quyết định truy thu của cơ quan thuế các cấp khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật thuế.

2.3. Đánh giá tình hình chi hoàn thuế GTGT; đánh giá thực hiện hoàn trả các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo quy định của pháp luật (ngoài hoàn thuế GTGT)

- Dự kiến số kinh phí hoàn thuế thực hiện trong năm 2023 trên cơ sở đúng chính sách chế độ và phù hợp với thực tế phát sinh. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra sau hoàn thuế giá trị gia tăng, xử lý thu hồi tiền hoàn thuế giá trị gia tăng sai quy định. Đề xuất các kiến nghị điều chỉnh cơ chế quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng, trường hợp cần thiết thì đề xuất điều chỉnh nguồn kinh phí hoàn thuế giá trị gia tăng (bổ sung, tạm ứng, cắt giảm) để phù hợp với tình hình thực tế phát triển kinh tế xã hội trong các tháng cuối năm, đảm bảo hoàn trả chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật.

- Đánh giá thực hiện hoàn trả các khoản thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo quy định của pháp luật (*ngoài hoàn thuế GTGT*): Đánh giá tình hình thực hiện theo các tiêu chí: số tiền hoàn trả, số bộ hồ sơ xem xét hoàn trả, số lần ra quyết định hoàn trả theo các quy định và những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị giải pháp về cơ chế chính sách, công nghệ quản lý, tổ chức phối hợp trong quá trình triển khai, thực hiện (*nếu có*).

2.4. Đánh giá tình hình thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai và Nghị quyết 132/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội, Nghị định số 26/2021/NĐ-CP ngày 25/3/2021 của Chính phủ hướng dẫn Nghị quyết 132/2020/QH14 về thí điểm một số chính sách để tháo gỡ vướng mắc, tồn đọng trong quản lý, sử dụng đất quốc phòng, an ninh, kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế (Nghị quyết 132/2020/QH14).

2.5. Đánh giá tình hình thu ngân sách từ xử lý tài sản công theo các quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn; thu ngân sách từ đất đai (thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất) theo pháp luật về đất đai; thu ngân sách từ xử lý, sắp xếp nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 167/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

2.6. Đánh giá tình hình thực hiện thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp (Nghị định số 148/2021/NĐ-CP).

2.7. Báo cáo kết quả phối hợp giữa các Sở, ban, ngành và các huyện, thành phố trong công tác quản lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thu ngân sách nhà nước, bán đấu giá tài sản Nhà nước, đấu giá quyền sử dụng đất và tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra, đôn đốc thu hồi nợ thuế, chống thất thu; tồn tại, vướng mắc và giải pháp khắc phục.

2.8. Đánh giá tình hình thu phí và lệ phí theo quy định của Luật Phí và lệ phí (đánh giá số thu phí, lệ phí theo quy định; số thu phí nộp NSNN, số thu được để lại); kết quả thực hiện thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu và các khoản nộp NSNN khác 6 tháng và ước thực hiện cả năm 2023 và văn bản pháp luật có liên quan.

II. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN 03 năm 2021-2023

Trên cơ sở quyết toán năm 2021, thực hiện năm 2022 và ước thực hiện cả năm 2023, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu NSNN 03 năm 2021 - 2023 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp, chi tiết từng nguồn thu từ tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế, thu nội địa còn lại (ngoài tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết, thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế), thu từ hoạt động xuất nhập khẩu, thu viện trợ (nếu có); làm rõ kết quả đạt được, tồn tại hạn chế và nguyên nhân (khách quan, chủ quan); bài học kinh nghiệm; bối cảnh và kiến nghị giải pháp về cơ chế, chính sách, quản lý thu NSNN trong thời gian tới.

III. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi NSNN

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư phát triển (ĐTPT)

1.1. Tình hình thực hiện chi ĐTPT năm 2023

1.1.1. Tình hình phân bổ và giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN năm 2023 (nếu có), chi tiết theo từng lĩnh vực chi:

- Tình hình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản chỉ đạo điều hành của cấp có thẩm quyền.

- Thời hạn phân bổ và giao kế hoạch cho chủ đầu tư; kết quả bố trí dự toán để thu hồi vốn ngân sách ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01/01/2015 thuộc nguồn NSNN.

- Khó khăn, vướng mắc, kiến nghị điều chỉnh cơ chế, chính sách và trong tổ chức thực hiện.

1.1.2. Tình hình thực hiện chi ĐTPT (bao gồm cả chuyển nguồn từ các năm trước sang năm 2023 theo quy định), gồm:

- Chi đầu tư phát triển từ nguồn chi cân đối NSNN: Đánh giá tiến độ, giá trị khối lượng hoàn thành các dự án, kết quả giải ngân vốn đến hết tháng 6 năm 2023; báo cáo dự kiến khả năng thực hiện đến hết ngày 31/01/2024, tỷ lệ giải ngân vốn so với dự toán (*có biểu phụ lục chi tiết từng dự án, số liệu về tổng mức đầu tư được duyệt, vốn thanh toán lũy kế đến hết năm 2022, kế hoạch vốn 2023- kể cả vốn bổ sung, điều chỉnh và ước thực hiện năm 2023, kèm theo thuyết minh*). Số tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách địa phương bố trí cho dự án đầu tư (nếu có).

- Tổng hợp, đánh giá tình hình xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản phát sinh trước ngày 01/01/2015 nguồn NSNN và thu hồi vốn ứng đến ngày 31/12/2022; ước số xử lý trong năm 2023; dự kiến số nợ xây dựng cơ bản, số ứng chưa có nguồn thu hồi đến ngày 31/12/2023 (*chi tiết từng dự án*).

- Tình hình quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành, trong đó nêu rõ: số dự án đã được phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công dự án hoàn thành và số vốn đầu tư công còn lại chưa được bố trí để thanh toán so với giá trị quyết toán dự án hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt; số dự án sử dụng vốn đầu tư công đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán theo quy định đến hết tháng 6 năm 2023, dự kiến đến hết năm 2023; nguyên nhân và giải pháp xử lý.

- Đánh giá những tồn tại, khó khăn khi triển khai các quy định của pháp luật về đầu tư công, bao gồm cả những kiến nghị về cơ sở pháp lý trong bố trí thực hiện các nhiệm vụ chi ĐTPT.

1.2. Tình hình thực hiện chi ĐTPT 03 năm 2021-2023

Trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện cả năm 2023, thực hiện đánh giá lũy kế tình hình kết quả triển khai 03 năm 2021- 2023 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025; trong đó, cần làm rõ:

- Chi đầu tư phát triển nguồn cân đối NSDP: Lũy kế số chi ĐTPT kế hoạch và thực hiện 03 năm 2021-2023 so với kế hoạch trung hạn được cấp thẩm quyền giao giai đoạn 2021-2025.

- Số dự án có nợ xây dựng cơ bản đã tổng hợp, bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tình hình bố trí vốn 03 năm 2021 - 2023 để xử lý nợ xây dựng cơ bản, dự kiến bố trí số còn lại các năm 2024-2025. Số dự án đã được thực hiện còn nợ xây dựng cơ bản nhưng chưa báo cáo tổng hợp trong kế hoạch trung hạn, số phát sinh (nếu có), đề xuất biện pháp xử lý nợ xây dựng cơ bản các dự án trên.

- Lũy kế số vốn ứng trước đã tổng hợp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, tình hình bố trí vốn 03 năm 2021-2023 để thu hồi vốn ứng, dự kiến bố trí số còn lại để thu hồi các năm 2024-2025. Số vốn ứng trước phát sinh đến nay chưa được tổng hợp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn (nếu có), đề xuất biện pháp xử lý.

- Lũy kế việc thực hiện kế hoạch nhiệm vụ chi hỗ trợ phát triển 03 năm 2021 - 2023 so với kế hoạch giai đoạn 2021-2025 được cấp thẩm quyền giao, chi tiết từng chương trình, chính sách hỗ trợ; khó khăn, kiến nghị nếu có.

2. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên

2.1. Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2023

2.1.1. Đánh giá tình hình triển khai phân bổ, giao dự toán và thực hiện dự toán chi thường xuyên 6 tháng đầu năm, dự kiến khả năng thực hiện cả năm 2023 chi tiết theo từng lĩnh vực chi được giao. Đối với các nhiệm vụ chi an ninh, quốc phòng được áp dụng cơ chế sử dụng nguồn chi thường xuyên NSNN theo phê duyệt của cấp thẩm quyền, cơ quan, đơn vị đánh giá việc triển khai thực hiện theo quy định, trong đó báo cáo cụ thể tên nhiệm vụ, thời gian và kinh phí thực hiện theo phê duyệt, tính chất đặc thù, những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị (nếu có).

2.1.2. Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, các chương trình, đề án, dự án, Nghị quyết của tỉnh sử dụng nguồn chi thường xuyên của NSNN trong 6 tháng đầu năm, dự kiến cả năm 2023; những khó khăn, vướng mắc và đề xuất biện pháp xử lý về cơ chế, chính sách trong tổ chức thực hiện, cụ thể:

- Đối với các chế độ, chính sách: Đánh giá tổng thể toàn bộ các chính sách, chế độ; rà soát, kiến nghị bổ sung, sửa đổi các chính sách, chế độ không phù hợp với thực tế, trong đó: Đánh giá tình hình thực hiện đối với từng chính sách, có báo cáo cụ thể đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách năm 2023 (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính) và chênh lệch so với số kinh phí đã bố trí (thừa, thiếu).

- Tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy: Kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm 2023, chi tiết theo từng mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (Nghị quyết số 18-NQ/TW), Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (Kết luận số 28-KL/TW), Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 (Kết luận số 40-KL/TW) và các văn bản liên quan của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 82-KH/TU ngày 27/4/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 122-KH/TU ngày 22/01/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017.

- Kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong 6 tháng đầu năm, ước cả năm theo các mục tiêu, nhiệm vụ tại Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (Nghị quyết số 19-NQ/TW), Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công (Nghị định số 60/2021/NĐ-CP) và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập (Thông tư số 56/2022/TT-BTC); Kế hoạch số 389/KH-UBND ngày 29/3/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW; Công văn số 2043/UBND-TH ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2023 từ nguồn thu phí và thu sự nghiệp công được để lại; nguồn hợp pháp khác của cơ quan, đơn vị theo quy định, chi tiết từng lĩnh vực chi.

- Đánh giá kết quả thực hiện các đề án, nghị quyết của tỉnh, những thuận lợi, khó khăn trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, kiến nghị đề xuất (nếu có): Trong đó các sở, ban, ngành tỉnh được giao chủ quản đề án, nghị quyết thực hiện đánh giá kết quả đạt được, những thuận lợi, khó khăn trong quá trình tổ chức triển khai, kiến nghị đề xuất (nếu có) và nhu cầu kinh phí thực hiện năm 2023, (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính).

- Đối với sự nghiệp khoa học: Đánh giá kết quả thực hiện của hoạt động khoa học công nghệ thông qua các nhiệm vụ, dự án, đề tài nghiên cứu, hoạt động ứng dụng, chuyển giao và đổi mới công nghệ. Đánh giá về tác động của các kết quả nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào phát triển kinh tế - xã hội. Đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng, đổi mới

công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh.

2.2. Tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên 03 năm 2021-2023

- Trên cơ sở quyết toán năm 2021, thực hiện năm 2022 và ước thực hiện cả năm 2023, đánh giá lũy kế tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên NSNN 03 năm 2021-2023 so với mục tiêu, kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị, giải pháp khắc phục (nếu có).

- Đánh giá lũy kế việc triển khai tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy; kết quả sắp xếp, đổi mới hệ thống, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong 03 năm 2021 - 2023 so với các mục tiêu đề ra tại Nghị quyết, Kết luận của Trung ương và các văn bản pháp luật có liên quan; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

3. Đánh giá tình hình thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án, đề án khác năm 2023 và 03 năm 2021-2023

3.1. Đối với 03 chương trình mục tiêu quốc gia

- Trên cơ sở Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 14/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; số 16/2022/NQ-HĐND ngày 28/6/2022 Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh; các Quyết định của UBND tỉnh quy định về tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG. Các cơ quan, đơn vị dự toán NSNN, đơn vị sử dụng NSNN đánh giá tình hình thực hiện phân bổ, sử dụng dự toán NSNN năm 2023, các năm trong giai đoạn 2021-2023; kết quả thực hiện mục tiêu giai đoạn 2021-2023 và khả năng hoàn thành mục tiêu giai đoạn 2021-2025 theo từng chương trình; thuận lợi, khó khăn, kiến nghị (nếu có). Trong đó:

- Cơ quan chủ chương trình chủ trì, phối hợp với các cơ quan chủ dự án thành phần báo cáo kết quả xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách quản lý, tổ chức thực hiện từng chương trình.

- Cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách đánh giá về tình hình phân bổ, sử dụng NSNN, chi tiết theo các dự án thành phần, chi ĐTPT, chi thường xuyên, nguồn NSTW, NSDP.

- Những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; nguyên nhân và kiến nghị xử lý (nếu có).

3.2. Đối với các nhiệm vụ thường xuyên thuộc các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt dưới dạng chương trình, dự án, đề án giai đoạn 2021-2025 hoặc đến năm 2030, được giao dự toán, bổ sung hoặc đang trình bổ sung kinh phí năm 2023, cơ quan chủ chương trình báo cáo tình hình ban hành văn bản hướng dẫn, thực hiện năm 2023 theo từng chương trình. Trường hợp có sử dụng nguồn vốn ngoài nước, báo cáo riêng tình hình phân bổ, giải ngân đối với từng mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể, các đề xuất kiến nghị (nếu có). Trên cơ sở ước thực hiện dự toán chi năm 2023, đánh giá tình hình tình hình bố trí, phân bổ và sử dụng dự toán 03 năm 2021-2023 so với tổng mức được phê duyệt cho giai đoạn 2021-2025 hoặc đến năm 2030; kết quả đạt được; tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị, giải pháp khắc phục (nếu có).

4. Đối với các nhiệm vụ sử dụng nguồn vốn ngoài nước

4.1. Đánh giá tình hình phân bổ, giao, thực hiện dự toán chi năm 2023, việc điều chỉnh, bổ sung năm 2023 (nếu có) theo Hiệp định, Thỏa thuận đã ký kết, chi tiết theo từng nguồn vốn (vốn ODA không hoàn lại, vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức); cơ chế tài chính, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có). Đối với vốn viện trợ không hoàn lại, đánh giá về việc tiếp nhận các khoản viện trợ mới phát sinh, chưa có trong dự toán, tiến độ về thủ tục bổ sung dự toán; đánh giá rà soát việc giao dự toán vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm khi không tách rõ cơ cấu giữa vốn vay và vốn viện trợ và đề xuất giải pháp triển khai.

4.2. Đánh giá kết quả giải ngân vốn ngoài nước, so sánh với dự toán được giao; làm rõ nguyên nhân của việc giải ngân chậm, trách nhiệm của Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án và các cơ quan có liên quan; đề xuất các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.

4.3. Trên cơ sở ước thực hiện dự toán chi năm 2023, đánh giá việc thực hiện 03 năm 2021-2023 so với mục tiêu, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao (nếu có)/hoặc kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025 theo Hiệp định hoặc thỏa thuận đã ký kết; những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị.

5. Đánh giá tình hình thực hiện chính sách tiền lương và tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2023

Các Sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể tỉnh và các huyện, thành phố đánh giá việc thực hiện chính sách tạo nguồn chi cải cách tiền lương gắn với sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao mức độ tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 78/2022/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền về hướng dẫn xác định nhu cầu, nguồn điều chỉnh mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2023.

6. Đánh giá thực hiện nhiệm vụ của các huyện, thành phố năm 2023 và 03 năm 2021-2023

Ngoài các yêu cầu quy định tại Mục I, Mục II phần A tại hướng dẫn này các huyện, thành phố đánh giá bổ sung một số nội dung sau:

6.1. Đánh giá công tác huy động các nguồn lực tài chính ở địa phương để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, những khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (nếu có).

6.2. Đánh giá tình hình thực hiện các chính sách miễn, giảm thu. Trong điều hành tài chính - ngân sách nhà nước năm 2023, trường hợp các huyện, thành phố có nguồn thu cân đối giảm giảm so với dự toán được cấp có thẩm quyền quyết định phải chủ động sử dụng các nguồn lực hợp pháp của mình, rà soát, sắp xếp, cắt, giảm, giãn các nhiệm vụ chi chưa thực sự cần thiết để đảm bảo cân đối ngân sách địa phương.

6.3. Đánh giá tình hình thực hiện các đề án, nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh ban hành; các chính sách an sinh xã hội theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn năm 2023 đối với từng chính sách có báo cáo cụ thể đối tượng, nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách (có thuyết minh cơ sở xác định, cách tính) và chênh lệch so với số kinh phí NSNN đã bố trí.

6.4. Báo cáo tình hình thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn năm 2023, chi tiết số đối tượng hưởng (căn cứ đối tượng thực hiện 6 tháng đầu năm 2023 để rà soát, xác định số đối tượng ước thực hiện cả năm 2023), mức hỗ trợ, thời gian hưởng đối với từng chế độ, chính sách chi an sinh xã hội theo quy định để xác định cụ thể nhu cầu kinh phí NSNN hỗ trợ để thực hiện các nhóm chính sách an sinh xã hội (tính theo mức lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng của 6 tháng đầu năm 2023 và mức 1.800.000 đồng/tháng từ ngày 01/7/2023).

6.5. Báo cáo về tình hình thực hiện cải cách tiền lương năm 2023:

- Quỹ lương, phụ cấp, trợ cấp ước thực hiện trong năm 2023.

- Nhu cầu kinh phí tăng thêm đến mức lương cơ sở 1.800.000 đồng/người/tháng năm 2023.

- Việc sử dụng nguồn lực của địa phương để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở từ ngày 01/07/2023, gồm: nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp, đóng góp theo lương, các khoản có tính chất lương và

các khoản chi cho con người theo chế độ) dự toán năm 2023 đã được cấp có thẩm quyền giao; 70% tăng thu NSDP thực hiện năm 2022 (*không kể thu tiền sử dụng đất, thu cổ phần hóa và thoái vốn doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý; tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, giải phóng mặt bằng và thu từ xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được cơ quan có thẩm quyền quyết định sử dụng để chi đầu tư theo quy định; thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa; phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới; phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu; phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản; phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi, công sản tại xã và thu tiền cho thuê, cho thuê mua, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước*) so với dự toán năm 2022 Hội đồng nhân dân tỉnh giao; số thu được để lại theo chế độ năm 2023; nguồn cải cách tiền lương năm 2022 còn dư (nếu có).

6.6. Báo cáo tình hình sử dụng dự phòng NSDP thực hiện nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh. Trong đó, số bố trí dự toán đầu năm, số đã sử dụng từ nguồn dự phòng NSDP đến ngày 30/6/2023, số dự kiến sử dụng trong 6 tháng cuối năm 2023.

6.7. Tình hình phân bổ, giao dự toán chi NSNN từ nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng của địa phương, thực hiện đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6.8. Tình hình thực hiện các kiến nghị của cơ quan Kiểm toán nhà nước, Thanh tra, quyết toán dự án hoàn thành của cấp có thẩm quyền.

7. Đánh giá kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách năm 2023

Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và các huyện, thành phố được giao quản lý các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách phải lập báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2022 thuộc phạm vi quản lý. Trong đó, báo cáo việc rà soát, cơ cấu lại, sáp nhập, dừng hoạt động hoặc giải thể các quỹ hoạt động không hiệu quả, không đúng mục đích, trùng lặp về mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng phục vụ hoặc không có khả năng độc lập về tài chính, trùng lặp nguồn thu, nhiệm vụ chi với NSNN; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch thu - chi và các nhiệm vụ được giao 6 tháng và dự kiến cả năm 2023. Đánh giá hiệu quả hoạt động, các khó khăn, vướng mắc phát sinh và kiến nghị giải pháp xử lý.

B. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024

I. Yêu cầu

Năm 2024, là năm có ý nghĩa rất quan trọng, quyết định việc hoàn thành các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 và kế hoạch tài chính đến năm 2025. Việc xây dựng dự toán NSNN năm 2024 phải đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Dự toán NSNN năm 2024 được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN, các văn bản hướng dẫn Luật về quy trình, thời hạn, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 05 năm giai đoạn 2021-2025 của tỉnh; phù hợp với mục tiêu cơ cấu lại NSNN theo Kế hoạch số 1555/KH-UBND ngày 13/5/2022 của UBND tỉnh, các Đề án, Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, các văn bản pháp luật, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền có liên quan; phù hợp với đánh giá tình hình thực hiện năm 2023 và 03 năm 2021-2023.

2. Trên cơ sở đánh giá thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, tài chính, đầu tư công năm 2024 và giai đoạn 2021-2025 của ngành, lĩnh vực và địa phương theo chỉ đạo của UBND tỉnh; các Sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, Đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án, nghị quyết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2024, bám sát với khả năng thực hiện trên cơ sở nguồn cân đối NSDP, nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu và cả nguồn hợp pháp khác theo quy định; rà soát đề xuất, lồng ghép sử dụng các nguồn vốn để thực hiện các nhiệm vụ chi ngay từ khâu xây dựng dự toán theo hướng ưu tiên sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương thay vì sử dụng nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương đối với các nhiệm vụ chi, chế độ, chính sách thuộc các lĩnh vực chi theo phân cấp thuộc nhiệm vụ chi của cả Ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương nhằm giảm thiểu áp lực chi đối với Ngân sách địa phương, triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu lập dự toán, đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ thống nhất từ khâu lập dự toán đến triển khai phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Các Sở: Giáo dục và Đào tạo; Y tế; Nông nghiệp và PTNT; Lao động, Thương binh và Xã hội; Ban Dân tộc tỉnh thực hiện quản lý ngành, lĩnh vực khi xây dựng dự toán cần tính tới việc rà soát tổng thể các chế độ, chính sách (nhất là các chính sách an sinh xã hội) để bãi bỏ, hoặc lồng ghép theo thẩm quyền, hoặc trình cấp có thẩm quyền bãi bỏ, lồng ghép các chính sách chồng chéo, trùng lặp, kém hiệu quả; chỉ đề xuất ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi cân đối được nguồn thực hiện; dự kiến đầy đủ nhu cầu NSNN theo phân cấp thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định; không đề xuất bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành.

4. Tập trung chỉ đạo, xử lý, giải quyết dứt điểm ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong quản lý tài chính, ngân sách đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật. Đồng thời kịp thời khắc phục, chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế, nghiêm túc thực hiện các kiến nghị của HĐND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh thông qua các báo cáo kết quả giám sát, thẩm tra. Đề xuất triển khai các giải pháp để khắc phục những tồn tại, hạn chế

tại Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2020 và các năm sau mà Nghị quyết số 53/2022/QH15 ngày 15/6/2022 của Quốc hội khóa XV đã chỉ ra (nếu có).

II. Xây dựng dự toán thu ngân sách năm 2024

1. Mục tiêu, yêu cầu xây dựng dự toán thu

- Cục Thuế tỉnh; Chi cục Hải quan cửa khẩu Ma Lù Thàng và UBND các huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng dự toán thu ngân sách địa phương năm 2024 phấn đấu ở mức tích cực, khả thi, đúng các quy định của Luật NSNN, Luật quản lý thuế và các Luật về thuế, phí, lệ phí và các văn bản pháp luật có liên quan; không dành dư địa để địa phương tự quy định giao chỉ tiêu phấn đấu tăng thêm so với dự toán HĐND tỉnh giao. Để có cơ sở tham mưu, giải trình Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh, đề nghị Cục Thuế tỉnh trong báo cáo xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024 gửi Sở Tài chính, báo cáo đầy đủ, chi tiết kế hoạch giao thu NSNN năm 2024 của các đơn vị theo từng sắc thuế theo biểu mẫu quy định.

- Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024 phải được xây dựng trên cơ sở phân tích, dự báo tình hình kinh tế, tài chính, những nhân tố tác động làm thay đổi đến kết quả thu ngân sách trên địa bàn; tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm và dịch chuyển nguồn thu do thay đổi chính sách pháp luật về thu, về quản lý thu, nhất là các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí và gia hạn thời gian nộp thuế, tiền thuê đất hết hiệu lực của năm 2023; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, quản lý chặt chẽ giá tính thuế, triển khai đồng bộ hóa đơn điện tử; phát hiện và ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại; tăng cường xử lý nợ đọng thuế.

- Phấn đấu dự toán thu nội địa năm 2024 không kể thu tiền sử dụng đất bình quân tăng khoảng 5-7% so với ước thực hiện năm 2023 (đã loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách); mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương. Dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu năm 2024 tăng bình quân khoảng 4-6% so với đánh giá ước thực hiện năm 2023.

2. Xây dựng dự toán thu nội địa

- Các địa phương xây dựng dự toán thu nội địa năm 2024 ngoài việc đảm bảo các mục tiêu, yêu cầu quy định tại khoản 1, Mục này, phải tổng hợp đầy đủ các nguồn thu NSNN phát sinh trên địa bàn (bao gồm cả số thu ngân sách ở xã, phường, thị trấn, các khoản thu thuế nhà thầu nước ngoài, nhà thầu trong nước khi thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn, các khoản thuế từ các dự án mới đưa vào sản xuất kinh doanh, các dự án hết thời gian ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp); và loại trừ các khoản không thuộc nguồn thu cân đối NSNN, trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực tế thực hiện năm 2023, những đặc thù của năm 2024 và số kiểm tra dự toán thu năm 2024 được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

- Dự toán thu NSNN năm 2024 phải được xây dựng trên cơ sở hệ thống dữ liệu thông tin về đất đai, đối tượng nộp thuế; đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, chi tiết số thu từ các nhà máy thủy điện mới đi vào hoạt động có số thu lớn theo các quy định hiện hành về thuế, phí, lệ phí và thu khác NSNN; chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định; các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới số thu NSNN năm 2024 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2024.

- Dự toán toàn bộ số thu từ sắp xếp lại nhà đất, xử lý tài sản công, thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng; thu NSNN từ giao quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý theo phương thức không tính thành vốn Nhà nước tại doanh nghiệp và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước (sau khi trừ đi các chi phí có liên quan) phải được lập dự toán đầy đủ và thực hiện nộp NSNN theo đúng quy định của pháp luật. Thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp được thực hiện theo đúng quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP.

- Việc xây dựng dự toán thu phải gắn với việc tăng cường quản lý thu, đôn đốc, cưỡng chế thu hồi nợ thuế, thanh tra, kiểm tra, chống chuyển giá, chống buôn lậu, gian lận thương mại, kiểm tra, giám sát hoàn thuế giá trị gia tăng, chống thất thu đối với doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ và các nguồn thu từ đôn đốc thực hiện kiến nghị của cơ quan kiểm toán, Thanh tra, quyết toán dự án hoàn thành của cấp có thẩm quyền.

- Dự toán các khoản thu phí, lệ phí (thuộc danh mục quy định của Luật Phí và lệ phí và mức thu theo Nghị quyết HĐND tỉnh) tích cực, chi tiết từng khoản thu theo quy định; dự toán các khoản thu NSNN khác theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

- Đối với khoản thu không tổng hợp vào dự toán thu NSNN của các địa phương (thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, giá dịch vụ y tế, các khoản thu hợp pháp khác được để lại cho cơ quan, đơn vị sử dụng theo quy định), các cơ quan, đơn vị phải lập dự toán riêng, thuyết minh cơ sở tính toán và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

3. Xây dựng dự toán thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu

Chi Cục hải quan cửa khẩu Ma Lù Thàng căn cứ vào dự báo tăng trưởng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ có thuế trong bối cảnh hội nhập, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại; chuyển dịch cơ cấu mặt hàng, các mặt hàng truyền thống và các mặt hàng mới phát sinh; quy mô, tiến độ thực hiện của các dự án đầu tư trọng điểm có nhập khẩu nguyên vật liệu, trang thiết bị; kế hoạch sản xuất của các nhà máy thủy điện trên địa bàn tỉnh...

III. Xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024

1. Xây dựng dự toán chi đầu tư phát triển

1.1. Dự toán chi ĐTPT nguồn NSNN bao gồm cả nguồn vốn ODA (vốn vay và vốn viện trợ), vốn vay ưu đãi nước ngoài, vốn viện trợ không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc nguồn thu NSNN, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu tiền sử dụng đất được xây dựng theo các quy định của pháp luật và khả năng cân đối của NSNN trong năm; phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025, kế hoạch đầu tư công trung hạn của địa phương giai đoạn 2021-2025 và các nhiệm vụ chi ĐTPT theo quy định của Luật NSNN, các văn bản pháp luật khác có liên quan không thuộc phạm vi của Luật Đầu tư công.

1.2. Đề xuất phương án bố trí vốn theo đúng thứ tự ưu tiên quy định tại Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 52/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết số 41/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN địa phương giai đoạn 2021-2025. Mức bố trí vốn cho từng nhiệm vụ, dự án phải phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án; bảo đảm phân bổ, giao chi tiết cho dự án trước ngày 31/12/2023 để khắc phục tình trạng chậm phân bổ, giao kế hoạch chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án, trong đó:

- Ưu tiên bố trí dự toán năm 2024 để đẩy mạnh thực hiện các dự án quan trọng, cấp thiết, có tác động lan tỏa, có khả năng giải ngân nhanh, có ý nghĩa quan trọng với phát triển kinh tế - xã hội; các chính sách theo Đề án, Nghị quyết của tỉnh.

- Ưu tiên cân đối kinh phí để thực hiện cấp vốn điều lệ cho các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; vốn hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quy định của Luật Đầu tư công và văn bản hướng dẫn. Ủy thác vốn NSDP qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Bố trí đủ dự toán năm 2024 để đảm bảo thanh toán hết nợ xây dựng cơ bản và thu hồi hết số vốn ứng trước NSNN; các dự án đã hoàn thành nhưng chưa bố trí đủ vốn; các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong năm 2024.

- Bố trí đủ theo nhu cầu vốn trong phạm vi kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã giao của các dự án hoàn thành trong năm 2024.

- Bố trí vốn đầy đủ theo phân kỳ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu; đẩy nhanh tiến độ, sớm hoàn thành các dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội.

- Bố trí đủ vốn đối ứng các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đối ứng thực hiện các Chương trình MTQG.

- Chỉ bố trí cho các dự án khởi công mới nếu còn nguồn và đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

2. Xây dựng dự toán chi thường xuyên

2.1. Trên cơ sở quy định của Luật NSNN, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn pháp luật có liên quan; Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 26/12/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh. Căn cứ nhiệm vụ chính trị, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 và số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2024; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 theo Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Lai Châu. Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thành phố xây dựng dự toán chi thường xuyên cho từng lĩnh vực chi theo mục tiêu, nhiệm vụ được giao năm 2024, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, định mức chi NSNN, đúng tính chất nguồn kinh phí, đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội, các chính sách chi cho người dân.

- Dự toán chi mua sắm tài sản cơ sở vật chất theo quy định về tiêu chuẩn, định mức và chế độ quản lý, sử dụng tài sản công hiện hành; kinh phí sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì cơ sở vật chất theo quy định tại Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

- Đối với các nhiệm vụ về cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn (bao gồm cả các nhiệm vụ quy định tại khoản 12 Điều 3 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025) trừ lĩnh vực quốc phòng, an ninh thực hiện theo Nghị định 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng NSNN đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh và Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14/5/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 165/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016. Trường hợp cấp có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh các chính sách có liên quan, thực hiện theo các quy định được phê duyệt.

2.2. Dự toán chi thường xuyên năm 2024 nguồn NSNN của cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể xây dựng gắn với việc triển khai Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 82-KH/TU ngày 27/4/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/02/2022 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 122-KH/TU ngày 22/01/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017, thực hiện đề án cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW; trong đó xác định cụ thể các tác động tăng hoặc giảm quỹ lương năm 2024 so với năm 2023; đảm bảo triệt để tiết kiệm các khoản chi thường

xuyên, đặc biệt là chi mua sắm công, đi công tác trong và ngoài nước, sử dụng xe ô tô công, tổ chức hội nghị, hội thảo, nghiên cứu, khảo sát, tiết kiệm điện, xăng dầu.

2.3. Dự toán chi hoạt động năm 2024 nguồn NSNN của các đơn vị sự nghiệp công lập xây dựng trên cơ sở các mục tiêu về đổi mới đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15, Kế hoạch số 389/KH-UBND ngày 29/3/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Công văn số 2043/UBND-TH ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, trong đó:

- Không xây dựng dự toán chi thường xuyên NSNN hỗ trợ cho các dịch vụ sự nghiệp công đã hoàn thành lộ trình giá, phí từ năm 2023 trở về trước hoặc dự kiến hoàn thành trong năm 2024.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thuộc các sở, ngành, đoàn thể tỉnh xây dựng dự toán chi NSNN năm 2024 giảm tối thiểu 3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2023, giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ NSNN tương ứng mức giảm chi thường xuyên từ ngân sách.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập do NSNN bảo đảm chi thường xuyên thuộc các sở, ngành, đoàn thể tỉnh tiếp tục giảm tối thiểu 2% chi trực tiếp từ NSNN so với dự toán năm 2023 trừ các dịch vụ công cơ bản, thiết yếu do NSNN đảm bảo.

- Dự kiến chuyển đổi đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành công ty cổ phần.

- Dự kiến số kinh phí giảm cấp chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế; nhu cầu kinh phí NSNN phải đảm bảo chi trả tiền lương, chế độ phụ cấp đặc thù chưa kết cấu vào giá dịch vụ y tế, chế độ phụ cấp chống dịch theo quy định.

2.4. Đối với dự toán chi thường xuyên không giao tự chủ, các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác: các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành thực hiện lập, tổng hợp dự toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

2.5. Một số lưu ý thêm khi xây dựng dự toán NSNN năm 2024

- Các Sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị có chức năng nhiệm vụ quản lý ngành, hoặc lĩnh vực khối tỉnh: Ngoài việc lập dự toán thu, chi NSNN năm 2024 (phần trực tiếp thực hiện), cần xác định nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách do trung ương ban hành (nếu có) kèm theo thuyết minh cụ thể để bảo đảm việc chủ động điều hành ngân sách năm 2024, hạn chế tối đa tình trạng đề nghị bổ sung ngoài dự toán đối với các chế độ chính sách đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Đồng thời đề xuất biện pháp, xử lý, giải quyết ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong quản lý tài chính, ngân sách

đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị theo đúng quy định của pháp luật.

- Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: Xây dựng dự toán chi trên cơ sở phê duyệt của cấp có thẩm quyền đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khác. Đề tạo chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện dự toán năm 2024 và kiến nghị của HĐND tỉnh về việc chậm phân khai chi tiết dự toán kinh phí, đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu UBND tỉnh phê duyệt dự án, đề tài khoa học để làm cơ sở tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ chi tiết cùng dự toán NSDP năm 2024 của đơn vị.

- Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán chi thực hiện từng chế độ chính sách, trong đó xác định đối tượng thụ hưởng; kinh phí để thực hiện đổi mới chương trình sách giáo khoa, giáo dục phổ thông mới theo lộ trình tại Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội và chi thực hiện các Đề án, Nghị quyết của tỉnh... Đề tạo chủ động cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình thực hiện dự toán năm 2024 và kiến nghị của HĐND tỉnh về việc chậm phân khai chi tiết dự toán kinh phí, đề nghị Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh sớm ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2024 để làm cơ sở phân bổ dự toán cho các cơ quan, đơn vị ngay từ dự toán giao NSDP năm 2024.

- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Thuyết minh cụ thể cơ sở tính toán nhu cầu chi thực hiện các chương trình, đề án của ngành y tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự kiến số kinh phí giảm cấp chi thường xuyên của các đơn vị sự nghiệp y tế theo lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ y tế; nhu cầu NSNN hỗ trợ do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập tự bảo đảm một phần chi phí thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp y tế công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên.

- Chi các hoạt động kinh tế: Xây dựng trên cơ sở khối lượng nhiệm vụ, được cấp có thẩm quyền giao và chế độ, định mức chi ngân sách quy định; tập trung bố trí chi cho những nhiệm vụ quan trọng: duy tu bảo dưỡng hệ thống hạ tầng kinh tế trọng yếu (giao thông, thủy lợi và công trình phòng chống thiên tai) để tăng thời gian sử dụng và hiệu quả đầu tư; bảo đảm an toàn giao thông; tìm kiếm cứu nạn; thực hiện nhiệm vụ khuyến nông, khuyến lâm, khuyến công. Xây dựng dự toán kinh phí Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các đơn vị sự nghiệp kinh tế công lập theo quy định của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể: Thuyết minh rõ các nội dung sau:

+ Số biên chế năm 2024 (nếu có), số biên chế thực có mặt đến thời điểm 01/7/2023, số biên chế chưa tuyển theo chỉ tiêu biên chế năm 2024 nêu trên

Trường hợp năm 2024 chưa có chỉ tiêu biên chế được phê duyệt, xây dựng dự toán năm 2024 theo biên chế tại Kế hoạch số 130-KH/TU ngày 29/11/2022 của Tỉnh ủy Lai Châu về quản lý biên chế cán bộ, công chức, viên chức và lao động hợp đồng giai đoạn 2022-2026 (*xác định bằng số được cơ quan có thẩm quyền giao năm 2023 trừ đi (-) số biên chế phải tinh giản năm 2024 theo mức giảm tối thiểu/năm đối với từng khối cơ quan, đơn vị*). Đồng thời, tiếp tục thực hiện giảm biên chế đối với các trường hợp đến hết năm 2023 chưa thực hiện được mục tiêu tại Kết luận số 28-KL/TW của Bộ Chính trị hoặc theo biên chế năm 2023 đối với các trường hợp đã đạt mục tiêu tại Kết luận số 28-KL/TW.

+ Xác định quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo chế độ quy định theo mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng (tính đủ 12 tháng) do NSNN đảm bảo, bao gồm: Quỹ tiền lương của số biên chế thực có mặt tính đến thời điểm lập dự toán (*trong phạm vi biên chế được duyệt*), được xác định trên cơ sở mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ; phụ cấp lương và các khoản đóng góp theo chế độ; giảm quỹ tiền lương gắn với tinh giản biên chế; quỹ tiền lương của số biên chế được duyệt nhưng chưa tuyển, được dự kiến trên cơ sở mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng, hệ số lương 2,34/biên chế và các khoản đóng góp theo chế độ.

+ Thuyết minh cơ sở xây dựng dự toán các khoản chi đặc thù không thuộc các nhiệm vụ đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 (cơ sở pháp lý, nhiệm vụ được giao, nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nội dung chi, mức chi, các nội dung liên quan khác) năm 2024 trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

- Chi thực hiện nghị quyết, kết luận của Tỉnh ủy; Nghị quyết của HĐND tỉnh; Đề án được phê duyệt: Đề nghị các cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố trên cơ sở đánh giá tình hình thực hiện các năm trước, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 và năm 2023, khả năng thực hiện năm 2024, đề xuất lồng ghép thực hiện cùng với các Chương trình Mục tiêu quốc gia, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và hạn chế kết dư, chuyển nguồn sang năm sau hoặc hoàn trả Ngân sách cấp trên.

- Đối với các tổ chức chính trị, xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp:

+ Trường hợp được cấp có thẩm quyền giao biên chế: Thực hiện khoán kinh phí theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao trên cơ sở vận dụng định mức phân bổ chi thường xuyên NSNN lĩnh vực quản lý nhà nước và thực hiện hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

+ Đối với các hội quần chúng khác bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự bảo đảm kinh phí, hoạt động theo điều lệ và tuân thủ pháp luật; NSNN hỗ trợ cho các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

3. Xây dựng dự toán chi các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu.

3.1. Căn cứ Luật NSNN, Luật Đầu tư công, trên cơ sở các Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, văn bản hướng dẫn của cơ quan chức năng, khả năng triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021-2023, số kiểm tra được thông báo; các Sở, ban, ngành cấp tỉnh được giao chủ quản chủ Chương trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2024 theo từng cơ quan, đơn vị và các huyện, thành phố chi tiết nhiệm vụ chi ĐTP, chi thường xuyên theo từng lĩnh vực chi, nguồn NSTW, NSDP, nguồn lồng ghép các chương trình, đề án khác, các nguồn huy động hợp pháp khác (nếu có) gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng báo cáo dự toán NSNN năm 2024 và kế hoạch 3 năm 2024-2026 của cơ quan, đơn vị.

3.2. Các Sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thành phố căn cứ nhiệm vụ được giao tại Quyết định phê duyệt từng Chương trình MTQG, CTMT, hướng dẫn bổ sung của cơ quan quản lý chương trình, thực hiện lập dự toán chi thực hiện các chương trình, chi tiết theo từng nguồn vốn, từng dự án, nội dung, nhiệm vụ, kinh phí sự nghiệp, vốn đầu tư, nguồn ngân sách trung ương, nguồn đối ứng ngân sách địa phương gửi các cơ quan chủ Chương trình MTQG, CTMT tổng hợp.

3.3. Các cơ quan chủ chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu tổng hợp, đề xuất nhu cầu vốn, kinh phí thực hiện chương trình, chi tiết theo từng mục tiêu, dự án thành phần, nguồn vốn đầu tư, chi thường xuyên gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp (kèm thuyết minh chi tiết).

3.4. Dự toán phải kèm thuyết minh chi tiết chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ của từng dự án, nhiệm vụ.

3.5. Đối với các chương trình, dự án, đề án khác: Các Sở, ban, ngành tỉnh căn cứ quyết định phê duyệt, văn bản hướng dẫn, tình hình triển khai thực hiện năm 2023, thực hiện lập dự toán, tổng hợp chung vào báo cáo dự toán chi thường xuyên năm 2024 chi tiết theo từng lĩnh vực chi theo quy định về quản lý NSNN.

4. Đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn ODA (bao gồm vốn vay và viện trợ), nguồn vốn vay ưu đãi

4.1. Căn cứ các Hiệp định, thỏa thuận đã và sẽ ký với nhà tài trợ, tiến độ thực hiện văn kiện dự án hoặc khoản viện trợ, cơ chế tài chính (nếu có) được cấp thẩm quyền phê duyệt, thực hiện lập dự toán từng chương trình, dự án, khoản viện trợ, vốn đối ứng (nếu có); phân định theo tính chất chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp, chi tiết theo lĩnh vực chi; đối với các địa phương, phân định cụ thể các nguồn vốn này thuộc NSDP và nguồn NSTW bổ sung có mục tiêu cho địa phương.

4.2. Đối với các chương trình, dự án hỗn hợp cả vốn cấp phát từ NSNN và vốn cho vay lại, cơ quan được giao quản lý chương trình, dự án hướng dẫn lập, tổng hợp dự toán cho từng phần vốn.

5. Lập dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2024

- Các Sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể tỉnh thực hiện tiết kiệm 10% dự toán chi thường xuyên năm 2024 tăng thêm so với năm 2023 (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); một phần nguồn thu sự nghiệp được để lại theo chế độ quy định dành để thực hiện cải cách tiền lương.

- Các đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục thực hiện các giải pháp tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Thông tư số 56/2022/TT-BTC, trong đó, phải tự đảm bảo phần tiền lương tăng thêm phù hợp với mức tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên của đơn vị.

- Các địa phương tổng hợp, báo cáo dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương năm 2024 để thực hiện cải cách tiền lương.

6. Lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế

Các Sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện, thành phố thực hiện lập dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2024 theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thực hiện (có thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán).

7. Bố trí dự phòng NSNN

Việc bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước (từ 2-4% tổng chi cân đối ngân sách địa phương – không bao gồm số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương để thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ, các chính sách an sinh xã hội do Trung ương ban hành và số bội chi ngân sách địa phương); Nghị quyết số 58/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương để chủ động đối phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán.

8. Dự toán chi sự nghiệp từ nguồn thu được để lại theo chế độ

Các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thành phố thực hiện lập dự toán chi từ nguồn thu được để lại báo cáo cấp có thẩm quyền theo biểu mẫu quy định tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, nhưng không tổng hợp vào dự toán chi ngân sách nhà nước của các sở, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và các địa phương.

9. Căn cứ số kiểm tra thu, chi ngân sách năm 2024, các Sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể tỉnh và các địa phương xây dựng dự toán chi chặt chẽ, chi tiết theo từng lĩnh vực quy định tại Luật Ngân sách nhà nước, từng nhiệm vụ, từng đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc; triển khai ngay công tác lập phương án phân bổ dự toán ngân sách năm 2024 của các cơ quan, đơn vị, địa phương mình, để khi nhận được dự toán ngân sách UBND tỉnh giao, chủ động trình cấp có thẩm quyền quyết định phân

bổ theo từng lĩnh vực và giao dự toán ngân sách đến đơn vị sử dụng ngân sách đảm bảo trước ngày 31/12/2023 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

10. Xây dựng kế hoạch tài chính của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách

Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2023 và lập kế hoạch thu - chi tài chính năm 2024 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách còn hoạt động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn, gửi kèm báo cáo dự toán NSNN của cơ quan, đơn vị mình tới cơ quan tài chính cùng cấp (trong đó thuyết minh chi tiết về số dư đầu năm; số phát sinh từ NSNN cấp, từ huy động, tài trợ... trong năm; số chi cho các nhiệm vụ trong năm; tình hình biến động về vốn điều lệ, nguồn vốn hoạt động của các Quỹ này).

C. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2024-2026 VÀ ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. Lập kế hoạch thu NSNN

1. Giai đoạn 2024-2026 có 02 năm thực hiện thuộc kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 và 1 năm (2026) thuộc kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030. Theo đó, việc xây dựng dự kiến 02 năm 2024-2025 thực hiện theo mục tiêu, nhiệm vụ đặt ra trong kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025; đối với năm 2026 được giả định là năm tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách hiện hành của giai đoạn 2021-2025 và các cơ chế, chính sách mới nếu đã xác định được.

Kế hoạch thu ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026 được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch 03 năm 2023-2025; dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2024 và mức tăng trưởng thu dự kiến cho năm 2025, năm 2026 theo quy định; phân tích, đánh giá tác động của thiên tai, dịch bệnh; các chính sách của nhà nước về thuế, phí lệ phí; tác động từ điều chỉnh giá, dịch vụ, phí các đơn vị sự nghiệp; đảm bảo nguyên tắc mọi khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác theo quy định phải được tổng hợp, phản ánh đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Giai đoạn 2024-2026, phần đầu tốc độ tăng thu nội địa (*không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế*) và tốc độ tăng thu từ hoạt động xuất nhập khẩu không thấp hơn mức tăng các khoản thu này năm 2024 quy định tại khoản 1, Mục II, Phần B của Công văn này.

2. Dự toán các khoản thu phí, lệ phí các năm 2024-2026 tích cực, chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định (số thu, số nộp NSNN) và chỉ tổng hợp vào dự toán thu NSNN phân phí, lệ phí nộp NSNN.

3. Đối với các khoản thu được để lại, học phí, giá dịch vụ y tế, thu dịch vụ sự nghiệp công không thuộc danh mục phí và lệ phí, các khoản thu chuyển sang cơ chế giá dịch vụ: thực hiện lập kế hoạch thu riêng theo quy định và xây dựng phương án sử dụng để gửi cơ quan có thẩm quyền giám sát và tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn từ khoản thu này để cải cách tiền lương theo quy định; gửi cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

II. Lập kế hoạch chi NSNN 03 năm 2024-2026 của các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh

1. Kế hoạch chi ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026 của các cơ quan, đơn vị ở cấp tỉnh được lập trên cơ sở cập nhật kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2021-2023, số ước thực hiện năm 2023, trần chi ngân sách giai đoạn 2021-2023 do cơ quan có thẩm quyền thông báo, dự toán năm 2024 được lập theo hướng dẫn này; trong đó thuyết minh cụ thể các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, đề án, dự án (kể cả chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu) đã hết thời gian thực hiện/mới được cấp thẩm quyền phê duyệt.

2. Trong quá trình xây dựng dự toán chi NSNN năm 2024, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh đồng thời xác định chi tiết chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới cơ quan, đơn vị mình năm dự toán 2024 theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính để làm căn cứ xác định chi tiêu cơ sở, chi tiêu mới và tổng hợp nhu cầu chi đầu tư phát triển, nhu cầu chi bảo dưỡng, vận hành trong kế hoạch chi năm 2024-2026.

Đối với các Sở, ban, ngành quản lý ngành, lĩnh vực (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Lao động thương binh và xã hội; Sở Giáo dục và Đào tạo; Ban Dân tộc) đồng thời với việc lập kế hoạch thu, chi NSNN từng năm của giai đoạn 2024-2026 (phần cơ quan trực tiếp thực hiện), cần tính toán xác định tổng nhu cầu kinh phí thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền ban hành từng năm của giai đoạn 2024-2026 trên phạm vi toàn tỉnh, kèm theo thuyết minh cụ thể căn cứ tính toán, trong đó lưu ý:

- Lập kế hoạch chi ĐTPT giai đoạn 2024-2026 căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, căn cứ vào tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ đầu tư chuyển tiếp (nếu có)/đã được phê duyệt chủ trương, quyết định đầu tư; nội dung trình kế hoạch trung hạn; gắn với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực.

- Lập kế hoạch chi từ nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi, nguồn vốn viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức năm 2024-2026 từng dự án theo tiến độ thực hiện đối với các Hiệp định, thỏa thuận vay đã ký kết và đang triển khai thực hiện, theo cam kết, đàm phán đối với các trường hợp mới ký kết, đã được phê duyệt chủ trương, đang đàm phán.

- Lập kế hoạch chi thường xuyên chi tiết việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách, chế độ còn hiệu lực/hết hiệu lực; các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách mới đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với các nguồn ngoài ngân sách: Lập kế hoạch thu, chi từng năm giai đoạn 2024-2026 theo quy định hiện hành, chi tiết từng nguồn phí, thu sự nghiệp được để lại, nguồn khác; các nhiệm vụ chi ĐTPT, chi thường xuyên theo lĩnh vực chi, từ nguồn phí, thu sự nghiệp được để lại, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, nguồn vay và nguồn hợp pháp khác của đơn vị; gửi cơ quan quản lý cấp trên tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính, đầu tư cùng cấp.

III. Đánh giá khả năng thực hiện kế hoạch 05 năm giai đoạn 2021-2025

Trên cơ sở ước thực hiện 03 năm 2021-2023, dự toán năm 2024 và kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026, các cơ quan, đơn vị, địa phương đánh giá thực hiện kế hoạch 05 năm giai đoạn 2021-2025, trong đó bao gồm các Chương trình mục tiêu quốc gia, các Chương trình, dự án theo giai đoạn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các nhiệm vụ đầu tư công trung hạn; xác định những thuận lợi, khó khăn và kiến nghị, đề xuất (nếu có).

D. VỀ BIỂU MẪU LẬP VÀ BÁO CÁO DỰ TOÁN NSNN NĂM 2024 VÀ KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NSNN 03 NĂM 2024-2026

I. Đối với dự toán năm 2024

1. Đối với các Sở, ban, ngành, cơ quan Đảng và đoàn thể thuộc tỉnh: Lập biểu mẫu số 05, 06, 07, 08, 09, 11.1, 12.1, 12.2, 12.3, 12.4, 12.5, 13.1 đến 13.10 và 13.12 (theo từng lĩnh vực sự nghiệp), 14, 15.1, 15.2, 18 (các nội dung thuộc ngành, đơn vị theo dõi, quản lý) ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, biểu mẫu số 01, số 02a, số 02b, số 03 kèm theo Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

2. UBND các huyện, thành phố: Lập biểu mẫu số 01, 02, 03, 18, 28, 29.1, 31 đến 35 ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính, biểu mẫu số 01, số 02a, số 02b, kèm theo Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính và biểu mẫu số 06 kèm theo Công văn này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thêm số liệu theo biểu mẫu số 32 (phần chi đầu tư), biểu số 33, 34 tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

4. Cục Thuế tỉnh báo cáo theo biểu mẫu số 01, 02, 03 tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

5. Chi cục Hải quan Ma Lù Thàng báo cáo theo biểu mẫu số 04 tại Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính.

6. Đối với dự toán thu, chi NSNN từ sắp xếp lại, xử lý nhà đất: Các Sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thành phố thực hiện báo

cáo biểu mẫu số 04, 05 kèm theo Thông tư số 51/2023/TT-BTC ngày 17/7/2023 của Bộ Tài chính.

II. Đối với kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2024-2026

1. Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư: Lập các biểu số 01, Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính; biểu số 01, 03, 04, 05, 06 theo Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ.

2. Đối với Cục Thuế tỉnh: Mẫu biểu số 02, 03 08, 09, 10 quy định tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

3. Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh: Mẫu biểu từ số 13 đến số 22 quy định tại Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính.

D. THỜI HẠN BÁO CÁO

Chậm nhất đến ngày 28/7/2023, các đơn vị, địa phương báo cáo về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định. Đồng thời gửi bản mềm đến hòm thư công vụ pqlns.sotc@laichau.gov.vn (*khối huyện, thành phố, ngân sách đảng tỉnh*), hoặc ptchcsn.sotc@laichau.gov.vn (đơn vị dự toán khối tỉnh).

Trên đây là hướng dẫn của Sở Tài chính trong việc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2024, kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước 03 năm 2024-2026. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phản ánh về Sở Tài chính để phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Tỉnh ủy (Báo cáo);
- TT HĐND, UBND tỉnh (Báo cáo);
- HĐND các huyện, thành phố;
- Phòng TC-KH các huyện, thành phố;
- KBNN các huyện;
- Chi cục thuế khu vực các huyện, thành phố;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, NS, TCHCSN, TCĐT, GCS&TCĐN.

GIÁM ĐỐC

Lê Tuấn Anh